

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2013 ĐẾN NGÀY 30/06/2013

Tháng 8 năm 2013

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2-3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5-6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9-33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tài Nguyên (“Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 cho đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Gia Long	Chủ tịch
Ông Trương Sơn Hiền	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Bá Huân	Thành viên
Ông Đoàn Văn Tú	Thành viên
Ông Nguyễn Gia Minh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Tuấn Hoàng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Huân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Năng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

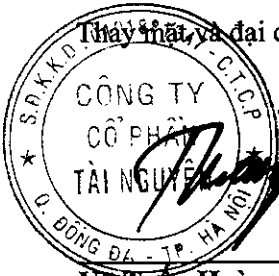
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Tuấn Hoàng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2013



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 3420/2013/BCSX-IFC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 của Công ty Cổ phần Tài nguyên

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tài nguyên

Chúng tôi đã tiến hành công tác soát xét Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tài nguyên (sau đây gọi tắt là "Công ty") cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 được lập ngày 29 tháng 08 năm 2013 từ trang 5 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Phạm Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0747-2013-072-1
Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2013

Nguyễn Thị Thanh Hoa
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1402-2013-072-1



Thành viên hãng AGN International / Member Firm of AGN International

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting : Tài chính/Finance

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		68.492.349.640	120.960.524.395
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		988.344.867	303.753.317
1. Tiền	111	V.1	988.344.867	303.753.317
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		334.186	334.186
1. Đầu tư ngắn hạn	121		334.186	334.186
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63.855.629.696	106.903.004.923
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	39.800.000.000	67.847.375.227
2. Trả trước cho người bán	132		755.000.000	755.000.000
3. Các khoản phải thu khác	135	V.3	23.300.629.696	38.300.629.696
IV. Hàng tồn kho	140		862.606.636	862.606.636
1. Hàng tồn kho	141	V.4	862.606.636	862.606.636
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.785.434.255	12.890.825.333
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		32.134.255	34.997.891
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	5.827.442
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	2.753.300.000	12.850.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		83.663.621.996	56.155.592.836
I. Tài sản cố định	220		120.703.117	146.973.026
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	-	13.875.745
- Nguyên giá	222		193.735.022	193.735.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(193.735.022)	(179.859.277)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	12.959.874	25.354.038
- Nguyên giá	228		74.365.000	74.365.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(61.405.126)	(49.010.962)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	107.743.243	107.743.243
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		83.535.018.879	55.958.095.810
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.9	42.337.424.508	42.808.095.810
2. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	41.280.000.000	13.200.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(82.405.629)	(50.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		7.900.000	50.524.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		7.900.000	50.524.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		152.155.971.636	177.116.117.231

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		49.807.668.664	72.880.769.866
I. Nợ ngắn hạn	310		49.807.668.664	72.880.769.866
1. Phải trả người bán	312	V.11	19.990.569.104	43.141.569.104
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	452.227.884	674.871.884
4. Phải trả người lao động	315		914.987.755	754.159.510
5. Chi phí phải trả	316		17.120.000	17.120.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	28.432.763.921	28.293.049.368
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		101.878.196.733	101.848.402.136
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	101.878.196.733	101.848.402.136
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.165.000.000	2.165.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		14.713.196.733	14.683.402.136
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		470.106.239	2.386.945.229
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		152.155.971.636	177.116.117.231



Vũ Tuấn Hoàng
Tổng Giám đốc

Bùi Đức Nam
Người lập

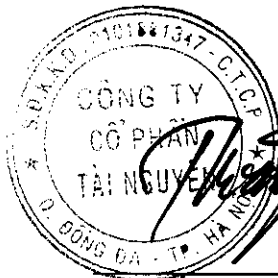
Bùi Đức Nam
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

MẪU B 02-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	6.982.863.636	32.515.542.762
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		6.982.863.636	32.515.542.762
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	6.957.006.197	32.301.020.886
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.857.439	214.521.876
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.873.961.902	769.851.103
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.672.029.491	98.887.812
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	98.887.812
8. Chi phí bán hàng	24		-	4.000.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		541.477.870	1.694.491.589
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		686.311.980	(813.006.422)
12. Chi phí khác	32		-	6.345.825
13. Lợi nhuận khác	40		-	(6.345.825)
14. Lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(470.671.303)	(519.558.067)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		215.640.677	(1.338.910.314)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	171.604.655	179.498
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		44.036.022	(1.339.089.812)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		14.241.425	(42.137)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		29.794.597	(1.339.047.675)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	3,51	(158)



Vũ Tuấn Hoàng
Tổng Giám đốc

Bùi Đức Nam
Người lập

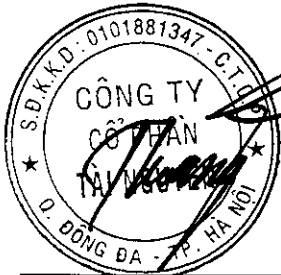
Bùi Đức Nam
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Theo phương pháp trực tiếp
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mẫu B 03-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01	10.126.345.248	37.719.205.098
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(6.086.832.800)	(34.157.186.191)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(21.000.000)	(514.823.841)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(98.887.812)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(32.173.707)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	10.790.658.344	9.852.238.301
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(17.000.601.147)	(13.367.927.745)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.191.430.355)	(599.555.897)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.653.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.876.021.905	769.851.103
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.876.021.905	(1.883.148.897)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	3.953.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(234.826.377)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	3.718.173.623
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	684.591.550	1.235.468.829
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	303.753.317	2.464.242.824
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	988.344.867	3.699.711.653



Vũ Tuấn Hoàng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2013

Bùi Đức Nam
Người lập

Bùi Đức Nam
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tài Nguyên là Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Tư Vấn và Đầu tư Tài Nguyên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần lần đầu số 0103018230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 07 năm 2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 07 năm 2012, theo đó số vốn điều lệ của Công ty là 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng), tương ứng với 8.500.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/1cổ phần.

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2013, Công ty Cổ phần Tài Nguyên có 01 Công ty con cụ thể như sau:

Tên Công ty : Công ty Cổ phần Sàn bất động sản Tài Nguyên
Địa chỉ : Số 17, Lô 2A đường Trung Yên 1, phường Yên Hòa,
quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Hoạt động chính : Kinh doanh dịch vụ bất động sản

Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 30/06/2013: 5.980.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 92%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 92%

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 là 9 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 16 người).

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101881347 đăng ký thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 04 tháng 07 năm 2012, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng, bạc, đá quý và kim loại Nhà nước cấm);
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính);
- Môi giới, xúc tiến thương mại;
- San lấp mặt bằng các công trình xây dựng;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách;
- Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ du lịch khác (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các dịch vụ về môi trường;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);
- Tư vấn lập quy hoạch kế hoạch sử dụng đất (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Ngành nghề kinh doanh (Tiếp theo)

- Tư vấn, giới thiệu việc làm trong nước (trừ các hoạt động môi giới, xuất khẩu lao động và tuyển dụng cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, định giá bất động sản và quản lý điều hành sàn giao dịch bất động sản; Đào tạo tin học văn phòng; Đào tạo ngoại ngữ: Tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật; tiếng Hàn Quốc (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại; và
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản (dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ đầu giá bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản).

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Tài Nguyên và công ty con là Công ty Cổ phần Sàn bất động sản Tài Nguyên, các công ty liên doanh đồng kiểm soát là Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình và Dự án Khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội và công ty liên kết là Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt. Các Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 của toàn bộ công ty liên doanh và liên kết chưa được kiểm toán. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, Dự án Khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội đang trong quá trình xây dựng chưa đi vào hoạt động. Báo cáo tài chính của Dự án cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 không được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 được lập cho mục đích công bố thông tin theo quy định đối với các tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Đồng thời, Công ty cũng đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Hợp nhất.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế thương mại nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác bao gồm một số khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phân ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tài ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán. Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng khoản phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Số năm

Thiết bị dụng cụ quản lý

3

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và giá trị website được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các tài sản cố định vô hình này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất và cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia và quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Theo đó, Báo cáo bộ phận của Công ty được chia làm 2 loại: Báo cáo bộ phận chính yếu và Báo cáo bộ phận thứ yếu. Theo chính sách chung của Công ty, Báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận thứ yếu được lập theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên các tiêu thức doanh thu, kết quả kinh doanh và tổng tài sản bao gồm 3 lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Lĩnh vực kinh doanh thương mại: hoạt động chủ yếu là bán hàng hóa.
- Lĩnh vực dịch vụ: môi giới dịch vụ bất động sản.
- Lĩnh vực Bất động sản: Kinh doanh bất động sản

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cung được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày tại thuyết minh số VII.2

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	960.494.999	278.221.613
Tiền gửi ngân hàng	27.849.868	25.531.704
Cộng	988.344.867	303.753.317

2. Phải thu khách hàng

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ông Vũ Văn Thảo	27.200.000.000	27.200.000.000
Công ty TNHH Long Phát	12.600.000.000	12.600.000.000
Công ty TNHH SX và XD Trường Xuân	-	2.420.445.227
Công ty TNHH XD Việt Đức	-	1.602.930.000
Công ty CP TM và XD Việt Phương	-	24.024.000.000
Cộng	39.800.000.000	67.847.375.227

3. Các khoản phải thu khác

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trương Sơn Hiền	248.629.696	248.629.696
Trần Văn Hân (i)	11.650.000.000	5.500.000.000
Công ty Tư vấn tài chính kế toán FAC	-	24.000.000.000
Nguyễn Gia Khoa (ii)	3.500.000.000	4.300.000.000
Nguyễn Gia Minh	-	750.000.000
Nguyễn Thị Hồng(iii)	3.900.000.000	-
Hà Huyền Trang (iv)	4.000.000.000	-
Đối tượng khác	2.000.000	3.502.000.000
Cộng	23.300.629.696	38.300.629.696

(i) Cho ông Trần Văn Hân vay theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay số 02/2012/HĐV-TN ngày 02/04/2012 Công ty Cổ phần Tài Nguyên cho cá nhân ông Trần Văn Hân vay số tiền 5.500.000.000 đồng, thời hạn cho vay không xác định, lãi suất 1,75%/tháng.
- Hợp đồng vay số 06/2013/HĐV-TN ngày 01/06/2013 Công ty Cổ phần Tài Nguyên cho cá nhân ông Trần Văn Hân vay số tiền 3.500.000.000 đồng, thời hạn cho vay 06 tháng, lãi suất 1,1%/tháng.
- Hợp đồng vay số 04/2013/HĐV-STN ngày 01/06/2013 Công ty Cổ phần Sản Bất động sản Tài nguyên cho cá nhân ông Trần Văn Hân vay số tiền 1.550.000.000 đồng, thời hạn cho vay 03 tháng, lãi suất 1,61%/tháng..
- Hợp đồng vay số 07/2013/HĐV-STN ngày 01/06/2013 Công ty Cổ phần Sản Bất động sản Tài nguyên cho cá nhân ông Trần Văn Hân vay số tiền 1.100.000.000 đồng, thời hạn cho vay 03 tháng, lãi suất 1,61%/tháng.

Tất cả các hợp đồng cho ông Trần Văn Hân vay đều không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3. Các khoản phải thu khác (Tiếp theo)

(ii) Cho ông Nguyễn Gia Khoa vay theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay tiền 11/2012/HĐV-STN ngày 01/11/2012 và phụ lục bổ sung, Công ty CP Sản Bất động sản Tài Nguyên cho ông Nguyễn Gia Khoa vay số tiền 1.050.000.000 đồng với lãi suất 1,6%/ tháng, kỳ hạn không xác định.
- Hợp đồng vay tiền 12/2012/HĐV-STN ngày 31/12/2012 và phụ lục bổ sung, Công ty CP Sản Bất động sản Tài Nguyên cho ông Nguyễn Gia Khoa vay số tiền 450.000.000 đồng với lãi suất 1,62%/ tháng, kỳ hạn không xác định.
- Hợp đồng vay tiền 03/2013/HĐV-STN ngày 31/03/2013 và phụ lục bổ sung, công ty CP Sản bất động sản Tài Nguyên cho ông Nguyễn Gia Khoa vay số tiền 2.000.000.000 đồng với lãi suất 1,64%/tháng, kỳ hạn 06 tháng.

Tất cả các hợp đồng cho ông Nguyễn Gia Khoa vay đều không có tài sản đảm bảo

(iii) Cho bà Nguyễn Thị Hồng vay theo hợp đồng số 040/2013/HDV-TN ngày 04 tháng 04 năm 2013 với số tiền là 3.900.000.000 đồng, thời hạn cho vay 06 tháng, lãi suất cho vay là 1,63%/tháng. Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.

(iv) Cho bà Hà Huyền Trang vay theo hợp đồng số 041/2013/HDV-TN ngày 07 tháng 04 năm 2013 với số tiền là 4.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay 06 tháng, lãi suất cho vay là 1,64%/tháng. Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.

4. Hàng tồn kho

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí SXKD dở dang	862.606.636	862.606.636
Cộng	862.606.636	862.606.636

5. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	2.753.300.000	12.850.000.000
<i>Nguyễn Bá Huấn</i>	-	2.000.000.000
<i>Trương Sơn Hiền</i>	-	1.500.000.000
<i>Nguyễn Gia Khoa</i>	1.100.000.000	5.500.000.000
<i>Đình Tiến Nghị</i>	1.641.000.000	
<i>Đoàn Năng Tuấn</i>	-	350.000.000
<i>Nguyễn Vũ Giang</i>	-	3.500.000.000
<i>Cao Xuân Vượng</i>	12.300.000	
Cộng	2.753.300.000	12.850.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2013	193.735.022	193.735.022
Tại ngày 30/06/2013	193.735.022	193.735.022
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2013	179.859.277	179.859.277
Khấu hao trong kỳ	13.875.745	13.875.745
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Tại ngày 30/06/2013	193.735.022	193.735.022
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2013	13.875.745	13.875.745
Tại ngày 30/06/2013	-	-

7. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2013	74.365.000	74.365.000
Tại ngày 30/06/2013	74.365.000	74.365.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2013	49.010.962	49.010.962
Khấu hao trong kỳ	12.394.164	12.394.164
Tại ngày 30/06/2013	61.405.126	61.405.126
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2013	25.354.038	25.354.038
Tại ngày 30/06/2013	12.959.874	12.959.874

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí khảo sát thiết kế dự án khai thác mỏ tại Lâm Đồng	107.743.243	107.743.243
Cộng	107.743.243	107.743.243

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

9. Đầu tư và công ty liên kết, liên doanh

	Giá gốc của khoản đầu tư VND	Lũy kế các khoản điều chỉnh đến ngày 01/01/2013 VND	Các khoản điều chỉnh trong kỳ này VND	Tại ngày 30/06/2013 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt (*)	13.500.000.000	(3.970.918.220)	(450.000.000)	9.079.081.780
Góp vốn liên doanh Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình (**)	7.600.000.000	(239.535.970)	(20.671.302)	7.339.792.728
Góp vốn liên doanh dự án Khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội (***)	25.918.550.000	-	-	25.918.550.000
Cộng	47.018.550.000	(4.210.454.190)	(470.671.302)	42.337.424.508

(*) Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103023482 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 04 năm 2008, thay đổi lần 1 ngày 16 tháng 09 năm 2009. Vốn điều lệ là 15 tỷ đồng. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản. Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tài nguyên trong Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Đất Việt là 30%.

(**) Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400340634 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp ngày 29 tháng 01 năm 2011. Đăng ký thay đổi lần 2 ngày 11 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Phú Hà - Hòa Bình là khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tài nguyên trong Công ty Cổ phần Phú Hà - Hòa Bình là 38%.

(***) Đây là khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18/2009/HĐHTKD ngày 25 tháng 05 năm 2009 về việc hợp tác đầu tư, quản lý, khai thác và kinh doanh dự án khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh này, Công ty Cổ phần Tài nguyên cùng với 3 đối tác khác sẽ cùng góp vốn và quản lý dự án nêu trên. Tỷ lệ vốn góp của mỗi đối tác là 25%. Lợi nhuận (hoặc lỗ) được phân chia theo tỷ lệ vốn góp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

10. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây dựng Tài nguyên Hà Nội (*)	28.080.000.000	-
Góp vốn vào Dự án trạm bơm Đông Mỹ (**)	13.000.000.000	13.000.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Dầu khí Điện Biên (***)	200.000.000	200.000.000
Cộng	41.280.000.000	13.200.000.000

(*) Trước đây Công ty cổ phần Tài nguyên nắm giữ tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết là 92% tại Công ty cổ phần Xây dựng tài nguyên Hà Nội. Tuy nhiên, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần Xây dựng Tài Nguyên Hà Nội số 0104562719 thay đổi lần thứ sáu ngày 01 tháng 04 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn pháp định và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 6.000.000.000 đồng và 150.000.000.000 đồng. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng Tài Nguyên Hà Nội tăng từ 30 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng. Công ty cổ phần Tài Nguyên nắm giữ 2.808.000 cổ phần tương ứng 18,72% và không còn quyền kiểm soát tại Công ty cổ phần Xây dựng tài nguyên Hà Nội. Vì vậy khoản đầu tư này được trình bày là khoản đầu tư dài hạn khác thay vì khoản đầu tư vào công ty con như trước đây.

(**) Đây là khoản tiền mà Công ty chuyển cho Công ty TNHH Sản xuất và Xây dựng Trường Xuân theo Biên bản thỏa thuận ngày 15 tháng 11 năm 2010 giữa Công ty với Công ty TNHH Sản xuất và Xây dựng Trường Xuân về việc hai bên cùng nhau hợp tác xin đầu tư Dự án xây dựng Công trình trạm bơm tiêu úng Đông Mỹ, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Tỷ lệ tham gia của Công ty vào dự án là 12,5%. Công ty nhất trí để Công ty TNHH Sản xuất và Xây dựng Trường Xuân đứng ra làm đại diện cho hai bên trực tiếp làm việc với các cơ quan chức năng của Nhà nước, thực hiện các thủ tục xin tham gia đầu tư Dự án nêu trên Công ty

(***) Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Dầu khí Điện Biên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5600214066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Điện Biên cấp ngày 03 tháng 02 năm 2010, vốn điều lệ là 80.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Dầu khí Điện Biên là khai thác và chế biến khoáng sản. Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tài nguyên trong Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Dầu khí Điện Biên là 10%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MÃ SỐ B09 - DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

11. Phải trả người bán

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty TNHH Xây Dựng Vận Tải Hợp Tiến Hà Nội	616.000.000	616.000.000
Cty TNHH TM và XD Trung Tín	9.854.674.500	9.854.674.500
Cty TNHH XD và TM Tuyên Hòa	2.200.014.960	2.200.014.960
Cty TNHH một thành viên Nguyễn Tuyên	4.128.467.100	4.128.467.100
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại XNK Sơn Hải	1.478.027.980	1.478.027.980
Công ty TNHH TM và Vận Tải Hải Nam	1.535.944.564	1.535.944.564
Các đối tượng khác	177.440.000	162.440.000
Công ty TNHH Vật tư KHKT	-	23.166.000.000
Cộng	19.990.569.104	43.141.569.104

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	221.661.013	351.413.609
Thuế thu nhập doanh nghiệp	167.121.441	254.321.668
Thuế thu nhập cá nhân	63.445.430	69.136.607
Cộng	452.227.884	674.871.884

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	22.600.000.000	22.600.000.000
	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>
+ Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hải Vân (*)		
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnam Net (**)	12.600.000.000	12.600.000.000
- Nhận vốn góp từ Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Toàn cầu DATC (***)	250.000.000	250.000.000
- Vay Công ty Cổ phần Phú Hà Hòa Bình	5.105.021.181	5.105.021.181
- Các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	477.742.740	338.028.187
Cộng	28.432.763.921	28.293.049.368

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (Tiếp theo)

(*) Hợp đồng vay tiền số 2711/2009/HĐVT ký ngày 27/11/2009 được ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Vân và Công ty Cổ phần Tài Nguyên về việc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Vân cho Công ty Cổ phần Tài Nguyên vay vốn không chịu lãi suất. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Vân được hưởng quyền nhận chuyển nhượng hai sàn căn hộ chung cư từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18/2009/HDHTKD ngày 25 tháng 05 năm 2009 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Hà Nội số 41, Công ty Cổ phần Tài Nguyên, Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Tây Bắc, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hải Vân và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 09/2009/HDHTKD ngày 1 tháng 6 năm 2009 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Hà Nội số 41 và Tổng Công ty Thành An - Bộ Quốc phòng.

(**) Hợp đồng vay tiền số 06/2011/HĐVT và số 07/2011/HĐVT ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnam Net và Công ty Cổ phần Tài Nguyên về việc Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnam Net cho Công ty Cổ phần Tài Nguyên vay vốn với lãi suất là 0,6%/năm. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnam Net được quyền mua một khu đất nền với diện tích là 3.000 m² đã hoàn thiện hạ tầng và đủ điều kiện được chuyển nhượng theo quy định của pháp luật của Công ty Cổ phần Tài Nguyên đầu tư tại Dự án Kiều Kị - Gia Lâm - Hà Nội.

(***) Đây là khoản vốn góp nhận từ Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Toàn cầu DATC theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/2012/HĐ-HTĐT ngày 09/02/2012 cùng thực hiện dự án Khu nhà ở, khu dân cư, khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng tại huyện Lương Sơn - Tỉnh Hòa Bình và không thành lập pháp nhân mới.

14. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	85.000.000.000	2.165.000.000	17.210.240.101	104.375.240.101
Lỗ/lãi trong năm	-	-	(2.526.837.965)	(2.526.837.965)
Tại ngày 01/01/2013	85.000.000.000	2.165.000.000	14.683.402.136	101.848.402.136
Lãi trong kỳ	-	-	29.794.597	29.794.597
Tại ngày 30/06/2013	85.000.000.000	2.165.000.000	14.713.196.733	101.878.196.733

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

14. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	30/06/2013	01/01/2013
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.500.000	8.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.500.000	8.500.000
- Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.500.000	8.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.500.000	8.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần

15. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành ba bộ phận hoạt động - Bộ phận cung cấp dịch vụ, Bộ phận kinh doanh thương mại và Bộ phận kinh doanh Bất động sản. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba phạm vi kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận kinh doanh thương mại	- Bán hàng hóa, thành phẩm cấp.
Bộ phận cung cấp dịch vụ	- Cung cấp dịch vụ bất động sản.
Bộ phận kinh doanh bất động sản	- Kinh doanh bất động sản

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

15. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

	Hoạt động bán hàng	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động KD Bất động sản	Tổng cộng
	30/06/2013	30/06/2013	30/06/2013	30/06/2013
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	40.555.000.000	-	24.195.704.773	64.750.704.773
Tài sản không phân bổ	-	-	-	87.405.266.863
Tổng tài sản hợp nhất	40.555.000.000	-	24.195.704.773	152.155.971.636
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	19.990.569.104	-	22.600.000.000	42.590.569.104
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	109.565.402.532
Tổng nợ phải trả hợp nhất	19.990.569.104	-	22.600.000.000	152.155.971.636

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013)

	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	6.982.863.636	-	-	6.982.863.636
Tổng Doanh thu	6.982.863.636	-	-	6.982.863.636
Khấu hao và chi phí phân bổ	7.498.484.067	-	-	7.498.484.067
Kết quả kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	(515.620.431)	-	-	(515.620.431)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(515.620.431)	-	-	(515.620.431)
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	2.873.961.902
Lãi (lỗ) khác				-
Chi phí tài chính				1.672.029.491
Lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				(470.671.303)
Lợi nhuận trước thuế				215.640.677
Chi phí thuế TNDN				171.604.655
Lợi nhuận sau thuế của CD thiểu số				14.241.425
Lợi nhuận trong kỳ				29.794.597

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

15. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán (tại ngày 01 tháng 01 năm 2013)

	Hoạt động bán hàng	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động KD Bất động sản	Tổng cộng
	01/01/2013	01/01/2013	01/01/2013	01/01/2013
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	68.602.375.227	-	52.013.570.518	120.615.945.745
Tài sản không phân bổ				56.500.171.486
Tổng tài sản hợp nhất	68.602.375.227	-	52.013.570.518	177.116.117.231
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	43.141.569.104	-	22.600.000.000	65.741.569.104
Nợ phải trả không phân bổ				111.374.548.127
Tổng nợ phải trả hợp nhất	43.141.569.104	-	22.600.000.000	177.116.117.231

Báo cáo kết quả kinh doanh (cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012)

	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng	32.490.542.762	25.000.000	-	32.515.542.762
Tổng Doanh thu	32.490.542.762	25.000.000	-	32.515.542.762
Khấu hao và chi phí phân bổ	33.973.206.568	26.305.907	-	33.999.512.475
Kết quả kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	(1.482.663.806)	(1.305.907)	-	(1.483.969.713)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.482.663.806)	(1.305.907)	-	(1.483.969.713)
Doanh thu từ các khoản đầu tư				769.851.103
Lãi (lỗ) khác				(6.345.825)
Chi phí tài chính				98.887.812
Lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				(519.558.067)
Lợi nhuận trước thuế				(1.338.910.314)
Chi phí thuế TNDN				179.498
Lợi nhuận sau thuế của CD thiểu số				(42.137)
Lợi nhuận trong kỳ				(1.339.047.675)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 VND
Doanh thu bán hàng hóa	6.982.863.636	32.490.542.762
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	25.000.000
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.982.863.636	32.515.542.762

2. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	6.957.006.197	32.276.020.886
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	25.000.000
Cộng	6.957.006.197	32.301.020.886

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.232.778.474	769.851.103
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.641.183.428	-
Cộng	2.873.961.902	769.851.103

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 VND
Lãi tiền vay	-	98.887.812
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	32.405.629	-
Lỗ thoái vốn tại Công ty Cổ phần Xây dựng Tài nguyên Hà Nội	1.639.623.862	-
Cộng	1.672.029.491	98.887.812

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 VND
Công ty CP Tài Nguyên	111.821.063	-
Công ty CP Xây dựng Tài Nguyên Hà Nội	-	179.498
Công ty CP Sản BĐS Tài Nguyên	59.783.592	-
Cộng	171.604.655	179.498

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 VND
Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	29.794.597	(1.339.047.675)
Số cổ phần PT lưu hành đầu năm	8.500.000	8.500.000
Số cổ phần PT lưu hành cuối năm	8.500.000	8.500.000
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.500.000	8.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3,51	(158)

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.957.006.197	32.276.020.886
Chi phí nhân công	309.828.245	794.567.541
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.269.909	179.319.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.687.887	477.109.316
Chi phí bằng tiền khác	130.691.829	272.495.482
Cộng	7.498.484.067	33.999.512.475

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số VI. “*Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu*”.

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	988.344.867	303.753.317
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63.100.629.696	106.148.004.923
Đầu tư dài hạn	41.280.000.000	13.200.000.000
Cộng	105.368.974.563	119.651.758.240
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	48.423.333.025	71.434.618.472
Chi phí phải trả	17.120.000	17.120.000
Cộng	48.440.453.025	71.451.738.472

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày 30 tháng 06 năm 2013.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 30/06/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	48.423.333.025	-	48.423.333.025
Chi phí phải trả	17.120.000	-	17.120.000
Cộng	48.440.453.025	-	48.440.453.025
Tại ngày 01/01/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	71.434.618.472	-	71.434.618.472
Chi phí phải trả	17.120.000	-	17.120.000
Cộng	71.451.738.472	-	71.451.738.472

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 30/06/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	988.344.867	-	988.344.867
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63.100.629.696	-	63.100.629.696
Đầu tư dài hạn	-	41.280.000.000	41.280.000.000
Cộng	64.088.974.563	41.280.000.000	105.368.974.563
Tại ngày 01/01/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	303.753.317	-	303.753.317
Phải thu khách hàng và phải thu khác	106.148.004.923	-	106.148.004.923
Đầu tư dài hạn	-	13.200.000.000	13.200.000.000
Cộng	106.451.758.240	13.200.000.000	119.651.758.240

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Thông tin với các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch với các bên có liên quan như sau:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 VND
Góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết		450.000.000
- Góp vốn liên doanh dự án Khu nhà ở, dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc tại Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	-	450.000.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 như sau:

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Các khoản phải thu khác	3.748.629.696	5.298.629.696
Ông Trương Sơn Hiền	248.629.696	248.629.696
Ông Nguyễn Gia Minh	-	750.000.000
Ông Nguyễn Gia Khoa	3.500.000.000	4.300.000.000
Các khoản tạm ứng	1.100.000.000	9.000.000.000
Ông Trương Sơn Hiền	-	1.500.000.000
Ông Nguyễn Bá Huân	-	2.000.000.000
Ông Nguyễn Gia Khoa	1.100.000.000	5.500.000.000
Các khoản đi vay	5.105.021.181	5.105.021.181

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc được hưởng 6 tháng đầu năm 2013 như sau:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 VND
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp của Ban Giám đốc, HĐQT	228.000.000	238.000.000

3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

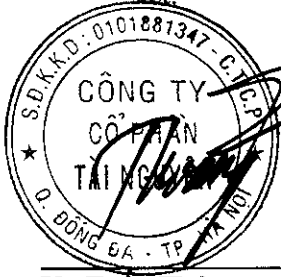
Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu của kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 của Công ty Cổ phần Tài nguyên đã được soát xét.



Vũ Tuấn Hoàng
Tổng Giám đốc

Bùi Đức Nam
Người lập

Bùi Đức Nam
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2013

